

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 6 - 2025

V/v: Tranh chấp tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Nguyệt Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST - HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc tranh chấp tài sản chung; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Ông H có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Tống Thị T1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Thanh T2, sinh 1949; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà: Trần Thị S, sinh năm 1947; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá; Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Dương Thanh T2, sinh 1949; Địa chỉ: thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Dương Văn H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 1 Đ, xã Đ1, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 1 Đ, xã Đ1, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

- Anh Trần Hữu G, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Bà Dương Thị A, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố Th, thị trấn B, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
 - Bà Dương Thị Th, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
 - Ông Dương Văn Kh, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
 - Ông Lê Đình D1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
 - Bà Dương Thị T5, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn TK, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
 - Ông Dương Văn H5, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn T H, xã T, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Tất cả người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Dương Văn H trình bày:

Ông Dương Văn H chung sống với bà Tống Thị T1 như vợ chồng, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 10/6/2000 nhưng không đăng ký kết hôn, ngày 09/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã ra bản án số 05/2023/HNGĐ-ST không công nhận là vợ chồng, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Khi sống chung như vợ chồng đầu năm 2015 ông H và bà Tống Thị T1 có mua lại thửa đất và ngôi nhà cấp 4 của em trai và em dâu là Dương Văn H1 vợ là Lê Thị M, thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 16 năm 1993 đứng tên ông Dương Thanh T2 và bà Trần Thị S, theo hồ sơ địa chính năm 1999 là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 6 thuộc thôn Thái Hòa, xã H H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, diện tích hơn 500m² nhưng chưa làm được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, khoảng năm 2023 mới làm được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; Thửa đất đã được ông Tao và bà S là bố đẻ ông H sang tên cho bà Tống Thị T1 và bà Tống Thị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH509143 vào sổ cấp giấy CS03732 cấp ngày 06/01/2023, cấp 200m² đất ở và 33m² đất trồng cây lâu năm, phần đất diện tích còn lại là hành lang mở đường đi liên thôn.

Thửa đất đứng tên bà Tống Thị T1 hiện tại là bố mẹ đẻ ông H là ông Dương Thanh T2 và bà Trần Thị S sang tên cho bà Tống Thị T1, trước kia đã cho vợ chồng em trai và em dâu ông H là Dương Văn H1 vợ là Lê Thị M, vợ chồng ông Hùng ở trên khu đất này từ những năm 1998 xây dựng làm nhà cửa, năm 2008 vợ chồng ông Hùng đi làm trong miền nam đến năm 2014 thì vợ chồng ông Hùng có ý định chuyển nhượng khu nhà đất, do khó khăn, tình cảm gia đình là anh em ruột nên vợ chồng ông Hùng đã chuyển nhượng cho ông H và bà Tống Thị T1 số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), để có tiền trả cho ông Hùng, ông H và bà T1 vay của ông Lê Đình Dũng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng, bà T1 vay vàng của anh em nhà bà T1 mãi sau này mới trả xong, ông H đưa trước vào ngày 27/01/2015 chuyển khoản cho vợ chồng ông Hùng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn lại 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) ông H đi làm ở Tây Ninh và Hà Nội mỗi tháng gửi cho ông Tao 10.000.000đ (Mười triệu đồng) gửi bưu điện để ông

Tao xuống lấy đủ 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) trả cho vợ chồng ông Hùng. Nhưng do tình cảm gia đình lúc này đang hòa thuận, chưa có điều kiện sang tên quyền sử dụng đất, thời điểm này ông Tao cũng chưa làm được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, sau khi mua đất anh em trong gia đình còn liên hoan có các cô chú trong gia đình tham dự đều biết để ông Hùng bà Mai vào nam ở. Trong khi ông H và bà T1 mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn và giữa ông H và ông Tao mâu thuẫn, ông Tao và bà S đã tự ý sang tên chuyển nhượng khu đất cho bà Tổng Thị T1. *(Việc mâu thuẫn này bà T1 xâm phạm sức khỏe đầu độc ông H, nhưng ông Tao vẫn bên ngoài, hiện vụ việc đang được công an huyện Thiệu Hóa giải quyết, chuyển sang Tòa án giải quyết bồi thường)*. Sự việc này có tất cả các anh em ông Tao, người thân trong gia đình đều biết đứng ra làm chứng cho ông H.

Nay ông Dương Văn H yêu cầu Tòa án công nhận Quyền sử dụng đất diện tích 200m² đất ở và 33m² đất trồng cây lâu năm, ở Thôn Thái Hòa, xã H H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa và ngôi nhà trên đất, (Nguồn gốc thửa đất đã được ông Tao và bà S là bố đẻ ông H tặng cho vợ chồng ông Dương Văn H1 và Lê Thị M, sau đó ông Hùng và bà Mai chuyển nhượng lại cho ông H và bà T1, nhưng ông Tao và bà S sang tên cho bà Tổng Thị T1 và bà Tổng Thị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH509143 vào sổ cấp giấy CS03732 cấp ngày 06/01/2023 là tài sản chung giữa ông Dương Văn H và bà Tổng Thị T1, ông H đề nghị được chia ½ khu đất, tại phiên tòa ông H đề nghị được hưởng ½ giá trị tài sản chung, giao đất và nhà cho bà T1 được quyền sử dụng.

Ý kiến bà Tổng Thị T1: Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2024 (BL 34):

Bà Tổng Thị T1 và ông Dương Văn H sống chung như vợ chồng từ năm 2000, đến tháng 3 năm 2022 đã ly hôn, ông Dương Thanh T2 và bà Trần Thị S là bố mẹ đẻ ông Dương Văn H, còn ông Dương Văn H1 là em trai ông Dương Văn H, bà Lê Thị M là vợ ông Dương Văn H1. Quyền sử dụng đất diện tích 233m² đất ở, ở Thôn Thái Hòa, xã H H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, và khoảng 300m² đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH509143 vào sổ cấp giấy CS03732 cấp ngày 06/01/2023 nguồn gốc, Quyền sử dụng đất này thuộc ông Dương Thanh T2 và bà Trần Thị S mua từ xưa, do ông H có 3 - 4 vợ, đánh đập vợ con và bố đẻ không cho ở nên ông Tao và bà S có ý định cho cháu Dương Văn Quân (Con đẻ của ông H và bà T1) do cháu Quân đang nhỏ tuổi nên bà T1 đứng tạm thời tên trong quyền sử dụng đất, khi nào cháu Quân đủ tuổi tôi sẽ sang tên cho cháu Quân.

Khoảng năm 2020, bà T1 và ông H mâu thuẫn, nên bà T1 xuống xin ông Tao và bà S ở tại khu đất tranh chấp, trước đó ông Tao và bà S ở; Ông H không ở trên khu đất này.

Khu đất tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông H, ông Dương Văn H1 và bà Lê Thị M ở từ khi nào thì bà T1 không biết. Bà T1 và ông H không nhận chuyển nhượng khu đất từ ông Hùng và bà Mai. Việc ông H cho rằng đã chuyển nhượng khu đất từ ông Hùng và bà Mai số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) bà T1 không biết việc chuyển nhượng, không biết về số tiền chuyển nhượng.

Ý kiến ông Dương Thanh T2 vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị S, tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2024 (BL 49) khai:

Ông Dương Văn H1, ông Dương Văn H là con đẻ của ông Tao và bà Trần Thị S; Bà Lê Thị M là vợ của Dương Văn H1. Tổng Thị T1 sống chung như vợ chồng với Dương Văn H từ năm 2000, đến tháng 3 năm 2022 đã ly hôn.

Quyền sử dụng đất ông Dương Văn H đang tranh chấp thuộc Quyền sử dụng của ông Dương Thanh T2, chuyển nhượng lại cho bà Tổng Thị T1, để bà T1 nuôi 03 đứa con, 200m² đất ở và 33m² đất vườn, còn khoảng 300m² đất trồng cây lâu năm như ông H trình bày là không có. Khoảng năm 2020 bà T1 ở trên khu đất khi vợ chồng mâu thuẫn, ông H không ở trên khu đất này. Khu đất tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông H, ông Hùng và bà Mai ở trên khu đất từ năm 1998, không xây dựng gì, đến năm 2008 thì đi miền nam, không ở trên khu đất nữa. Khu đất năm 2023 bà T1 làm mấy gian nhà cấp 4, sau khi xuống ở. Bà T1 và ông H không nhận chuyển nhượng khu đất từ ông Hùng và bà Mai. Việc ông H cho rằng đã chuyển nhượng khu đất từ ông Hùng và bà Mai số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) có giấy chuyển tiền, ông Tao không biết việc chuyển nhượng, không biết về việc nhận tiền. Ông Tao không chuyển nhượng hay đồng ý việc cho ông Hùng và bà Mai khu đất hiện tranh chấp, ông không chuyển tiền cho ông Dương Văn H1 thời điểm năm 2015. Giấy chuyển tiền ông Dương Văn H chuyển cho ông Dương Văn H1 có trong hồ sơ vụ án, ông không biết gì hết.

Đối với ông Dương Văn H1 và bà Lê Thị M, Tòa án đã ủy thác tổng đạt hợp lệ và lấy lời khai, có lần ông Hùng và bà Mai từ chối nhận văn bản, không hợp tác nên không có ý kiến của ông Hùng và bà Mai.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2025, người làm chứng anh Trần Hữu G khai: anh Giang là hàng xóm anh Hùng và chị Mai từ năm 1996, biết mảnh đất anh Hùng chị Mai ở là ông Tao mua, anh Hùng lấy vợ ông bà Tao cho anh Hùng Mai là con trai thứ hai và anh Hùng Mai làm nhà năm 2004, cùng làm năm với anh Giang, ở mấy năm anh Hùng Mai đi miền nam làm ăn đến đầu năm 2015 bán lại cho vợ chồng anh Hào Tơ bằng 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) anh Giang được nghe.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2025, các ông bà Dương Thị A, bà Dương Thị Th, ông Dương Văn Khương, bà Dương Thị Tuyết, ông Dương Văn Hiền là anh em ruột với ông Dương Thanh T2, ông Lê Đình Dũng là em rể với ông Tao khai cùng quan điểm: Nguồn gốc khu đất tranh chấp là của ông Tao và bà S cho anh Hùng và chị Mai là con trai thứ hai của ông Tao ở từ năm 1998, khoảng năm 2004 anh Hùng và chị Mai xây dựng nhà cửa trên khu đất, đầu năm 2015 gia đình bàn bạc chuyển khu đất và nhà cho anh Hào và chị Tơ, anh Hào và chị Tơ phải trả bằng tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) ông Dũng là người cho vay tiền để anh Hào trả cho anh Hùng và chị Mai vào nam làm ăn, gia đình còn tập trung thông báo rõ để anh Hùng và chị Mai vào nam. Khẳng định lời khai là đúng sự thật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người liên quan chưa chấp hành đầy đủ về việc có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa;

Viện Kiểm sát đã có văn bản đề nghị Tòa án xác minh Nguồn gốc khu đất tranh chấp, xác định lại giá trị khu đất tranh chấp giá trị đất ở và đất vườn, lấy lời khai người làm chứng, để làm rõ việc ô Hùng, bà Mai có quyền chuyển nhượng hay

không; Tuy nhiên tòa án mới chỉ thu thập được việc xác định giá trị khu đất và đưa lời khai người làm chứng tham gia; Căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phiên tòa để bổ sung làm rõ các vấn đề trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Bà Tổng Thị T1 là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Thái Hòa, xã H H, tỉnh Thanh Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn xác định đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo khoản 1 và khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T1, ông Tao người đại diện theo ủy quyền của bà S, ông Hùng và bà Mai lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng Bà T1, ông Tao, ông Hùng và bà Mai

[2]. Về tài sản chung:

Quyền sử dụng đất diện tích 200m² đất ở và 33m² đất trồng cây lâu năm, ở Thôn Thái Hòa, xã H H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa và ngôi nhà trên đất; Thấy rằng: Các đương sự và người làm chứng đều thừa nhận nguồn gốc là Quyền sử dụng đất là của ông Dương Thanh T2 và bà Tổng Thị Sen; Quá trình sinh sống, nhận thấy khi gia đình ông Tao đang hòa hợp đã có sự thỏa thuận, tặng cho ông Dương Văn H1 và bà Lê Thị M, thể hiện ông Hùng và bà Mai là người ở khu đất, xây nhà trên khu đất, thời điểm này ông H và bà T1 đang ở trên khu đất khác đứng tên ông Tao ở cùng thôn, ông H và bà T1 xây dựng nhà cửa, sau này ông Tao đã tặng cho con riêng của ông H là anh Dương Văn Quang vụ việc đã giải quyết theo Quyết định số 18/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa.

Ngoài ra đối với ông Dương Văn H1 và bà Lê Thị M không có ý kiến, nhưng nhận được nhiều văn bản của Tòa án, kết quả phiên họp, File ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và ông Hùng nhưng Hùng, bà Mai, ông Tao và Tơ không có ý kiến phản hồi, được coi như thừa nhận việc ông Hùng và bà Mai chuyển nhượng khu đất và nhà đang tranh chấp cho ông H và bà T1.

Tại BL 90 Chứng từ giao dịch ngày 27/01/2015 thể hiện ông Dương Văn H chuyển tiền cho ông Dương Văn H1, quá trình khởi kiện ông H đã gửi đơn khởi kiện cho ông Hùng và các bên liên quan, ông Hùng biết nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tại (BL110) biên bản làm việc về xác định nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp, thấy rằng đa số người làm chứng, trực tiếp, gián tiếp thừa nhận ông Hùng và bà Mai có thời gian xây dựng nhà cửa trên khu đất tranh chấp, phù hợp với khoảng thời gian ông Hùng và bà Mai ở, phù hợp với lời khai của nhiều người làm chứng, trong gia đình và hàng xóm.

05 Người anh em ruột của ông Dương Thanh T2 đều thừa nhận có sự việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đúng như lời khai nhận

của ông H, gia đình còn họp bàn công khai, tổ chức thân mật trước khi ông Hùng và bà Mai vào Nam ở hẳn.

Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng, do có sự mâu thuẫn giữa ông Tao và con trai là ông H, trong khoảng 01 năm gia đình ông đã gửi đơn Tòa án giải quyết đến 04 vụ kiện liên quan đến tranh chấp tài sản và yêu cầu bồi thường tổn hại sức khỏe; Qua file ghi âm (BL 39, 59-60) ông Hùng thừa nhận đất này đã chuyển nhượng cho ông H, liên quan đến tiền chuyển nhượng..., “*Bà T1 không thể đứng tên được... Hai đứa con mi ở*”.

Ông H đề nghị Tòa án ghi nhận, trong quá trình giải quyết vụ án khi xem xét thẩm định tài sản, ông Tao luôn nói “*Ai cướp đất của mi, đất cho con mi ở chứ ai*” sự việc này là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên có cơ sở kết luận: Nguồn gốc khu đất tranh chấp là của ông Dương Thanh T2 và bà Trần Thị S đã cho ông Dương Văn H1 là con trai và con dâu là bà Lê Thị M; Ông Hùng và bà Mai không có nhu cầu ở, di cư vào nam làm ăn đã chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn H là thực tế, đúng sự thật khách quan diễn biến sự việc; Tuy nhiên việc tặng cho chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xuất phát từ tình cảm cha con và anh em ruột nên chưa làm thủ tục sang tên ở từng thời điểm. Khi có sự mâu thuẫn trong gia đình, lý do anh Hào có quan hệ với người khác nên mâu thuẫn với ông Tao và bà T1, thời điểm này ông Tao được cấp giấy chứng nhận nên ông Tao đã làm hợp đồng chuyển nhượng trực tiếp cho bà T1 đứng tên quyền sử dụng khu đất tranh chấp, dẫn đến sự việc kiện tụng nhiều vụ việc kéo dài.

Về mặt hình thức chuyển nhượng tặng cho như nhận định ở trên các bên có nhiều vi phạm về mặt hình thức, chủ thể chuyển nhượng, tuy nhiên xét theo diễn biến sự việc, yêu cầu của ông H chỉ yêu cầu chia giá trị mà không chia hiện vật, nên chấp nhận yêu cầu này của ông H, cũng phù hợp với thực tế là ông H đã có đất ở cùng thôn, phần đất trước đó ông Tao đã cho con riêng ông H là anh Dương Văn Quang, sau này các bên thỏa thuận chia cho ông H một phần đất đổi bằng giá trị nhà cửa là tài sản chung của ông H và bà T1, theo Quyết định số 18/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa. Tránh sự sáo trộn trong sinh hoạt, cuộc sống của các bên, hiện tại bà T1 cũng đang nuôi con nhỏ, tránh phát sinh nhiều việc kiện tụng, tranh chấp là phù hợp. Mặt khác trong quá trình giải quyết các đương sự cũng không có yêu cầu giải quyết tranh chấp liên quan đến việc chuyển nhượng có vô hiệu hay không, hay xem xét vấn đề bồi thường.

Như vậy Quyền sử dụng đất diện tích 200m² đất ở và 33m² đất trồng cây lâu năm, ở Thôn Thái Hòa, xã H H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa và ngôi nhà trên đất trị giá: (200m² đất ở x 2.000.000đ/m²) + (33m² đất ở x 40.000đ/m²) + giá trị căn nhà cấp bốn 82.194.000đ = 483.514.000đ (*Bốn trăm tám mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng*) là tài sản chung của ông H và bà T1 chưa chia, ông H yêu cầu hưởng ½ giá trị bằng 483.514.000đ : 2 = 241.757.000đ (*Hai trăm bốn mươi một triệu bảy trăm năm bảy nghìn đồng*) có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với các tài sản khác là tài sản riêng của bà T1 xây dựng sau, ông H không yêu cầu là tài sản riêng của bà T1 trên khu đất, Hội đồng xét xử không xem xét. Việc bà T1 đã được nhà nước công nhận Quyền sử dụng đất phù hợp với Quyết định

bản án đã chia nên công nhận, mà không cần Hủy sửa Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đã cấp cho bà Tổng Thị T1.

Với những lập luận, căn cứ như trên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tiến hành thêm phần xác minh về nguồn gốc quyền sử dụng đất tranh chấp là phù hợp.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông H đã nộp trước, phần chi phí này mỗi bên phải chịu ½ chi phí, nên bà T1 phải trả lại cho ông H 2.500.000đ;

[3.2]. Về án phí: Ông H và bà T1 phải án phí chia tài sản chung đối với giá trị tài sản được chia, cụ thể mỗi người phải chịu: 241.757.000đ x 5% = 12.088.000đ (Mười hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 14, Điều 16 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 401, 207, 218, 219, 220 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 39; khoản 1 và 8 Điều 28; Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 6, Điều 9, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đã được thay đổi tại phiên tòa; Cụ thể:

1. Công nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CS03732 ngày 16/01/2023 do sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp và 01 ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của ông Dương Văn H và bà Tổng Thị T1.

2. Về chia tài sản chung:

Bà Tổng Thị T1 được Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CS03732 ngày 16/01/2023 do sở tài nguyên môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp và 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất, trị giá 483.514.000đ (Bốn trăm tám mươi ba triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng).

Bà Tổng Thị T1 phải trả cho ông Dương Văn H 241.757.000đ (Hai trăm bốn mươi một triệu bảy trăm năm bảy nghìn đồng) tiền chia tài sản chung.

Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký chuyển đổi biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí và lệ phí:

3.1. Về Lệ phí: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông H đã nộp trước, phần chi phí này mỗi bên phải chịu ½ chi phí, nên bà T1 phải trả lại cho ông H 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

3.2. Về án phí: Ông Dương Văn H và bà Tổng Thị T1 phải chịu án phí chia tài sản chung đối với giá trị tài sản được chia, cụ thể mỗi người phải chịu:

12.088.000đ (Mười hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn H được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng trước 7.500.000đ theo biên lai thu số 0000078 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, ông H còn phải nộp tiếp 4.588.000đ (Bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án về khoản tiền phải trả còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông H, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tao, bà S, bà T1, ông Hùng và bà Mai có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Văn phòng ĐKDD (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thu

Lê Dũng Tấn

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

Trần Thị Thịnh Lê Dũng Tấn

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Văn phòng ĐKĐĐ (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Tùng Lê Dũng Tấn

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Tùng Trần Thị Thịnh

Hoàng Văn Đạt

